TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/HS-PT
Ngày: 05-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi
Ông Trần Văn Nhum

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Chuyên-Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2023/HSPT ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Đ R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 21/7/2023 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Điểu R** (tên gọi khác: **Điểu T**), sinh ngày 01/01/1989 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: S’Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu K và bà Thị P; có vợ là bà Thị Đ1 và có 02 người con, lớn sinh năm 2016 ,nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại “có mặt”

2. Bị cáo **Điểu N (**tên gọi khác: **Điểu N3**), sinh ngày 01/01/1989 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: S’Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu K1 và bà Thị T1; có vợ là bà Thị S1 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án,

tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại "có mặt"

3. Bị cáo **Điểu N1**, sinh ngày 01/01/1976 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: S'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu K2 và bà Thị O; có vợ là bà Thị R và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2005 nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại "có mặt"

4. Bị cáo **Điểu S**, sinh ngày 01/01/1982 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ B, ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: S'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu E và bà (không rõ họ tên) bà mẹ kế là Thị Đ2; có vợ là bà Thị M và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại "có mặt"

5. Bị cáo **Điểu X**, sinh ngày 01/01/1981 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: S'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu N4 và bà Thị B; có vợ là bà Thị V và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại "có mặt"

6. Bị cáo **Điểu N2**, sinh ngày 01/01/2001 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: S'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điểu P1 và bà Thị D; có vợ là bà Thị L và có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2022 đến ngày 07/3/2023 được tại ngoại "có mặt"

- *Người bào chữa cho bị cáo Điểu S:* Ông **Dương Tất P2**-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước "có mặt"

- *Người phiên dịch cho 06 bị cáo:* Ông **Điểu M1**, sinh năm 1990-Phó Bí thư xã Đ xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 09/11/2022 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có một số đối tượng nghi vấn vận chuyển hàng cấm từ khu vực biên giới Campuchia về hướng ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày Bộ đội B tỉnh Bình Phước chủ trì phối hợp Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế H, Công an huyện L, Công an xã L1, Đội Kiểm soát Hải quan tỉnh Bình Phước, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế H1, Đội 3 Cục Điều tra chống buôn lậu-Tổng cục H2 và T2 Kiểm tra Liên ngành Ban chỉ đạo

389 tỉnh Bình Phước tiến hành kiểm tra khu vực ấp S, xã L bắt quả tang các bị cáo Điểu N2, Điểu Thanh S2 đang vận chuyển hàng cấm, đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hai bánh, biển kiểm soát: 36R7-5742 kéo mooc (BKS: 93F1 132.05), 05 (năm) thùng giấy và 01 (một) bao tải màu đỏ, các bị cáo Điểu N2, Điểu Thanh S2 khai 05 thùng giấy và 01 bao tải màu đỏ bị thu giữ bên trong là pháo nổ vận chuyển thuê từ Campuchia về Việt Nam.

Sau khi các bị cáo Điểu N2, Điểu Thanh S2 bị tạm giữ, đến ngày 10/11/2022 Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X đến Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế H đầu thú về hành vi vận chuyển pháo lậu; bị cáo Điểu L1 đến Cơ quan Công an huyện L đầu thú về hành vi mua bán hàng cấm.

Quá trình điều tra, các bị cáo Điểu Thanh S2 và Điểu L1 khai nhận số pháo trên các bị cáo Điểu Thanh S2, Điểu L1 mua của người tên C bên Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 44.000.000 đồng để bán lại cho người tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) để kiếm lời. Để đưa được số pháo trên về Việt Nam, bị cáo Điểu Thanh S2 đã thuê các bị cáo Đ R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2 vận chuyển số pháo từ Campuchia về Việt Nam và trả công cho mỗi bị cáo từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng, riêng bị cáo Điểu N2 do có xe lôi chở pháo nên được trả thêm 200.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền mua pháo, tiền thuê vận chuyển, số tiền chênh lệch thì các bị cáo Điểu Thanh S2, Điểu L1 mỗi bị cáo được chia 50%.

Tại Kết luận giám định số 6234/KL-KTHS ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Phân viện khoa học hình sự-Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *"Tất cả các mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 176kg."*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 53/2023/HS-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2 cùng phạm tội vận chuyển hàng cấm.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Điểu R 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo Điểu N 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo Điểu N1 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo Điểu S 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo Điểu Xem 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo Điểu N2 05 (năm) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2022 đến ngày 07/3/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Điểu Thanh S2, Điểu L1 về tội buôn bán hàng cấm, quyết định về xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Các ngày 28 và 31 tháng 7 năm 2023, 06 bị cáo đều kháng cáo đều yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm, 06 bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo đều yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Điểu S có ý kiến đề nghị chấp nhận các yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt và cho bị cáo Điểu S được hưởng án treo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm đề nghị không chấp nhận tất các yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2 đều đã hoàn toàn thừa nhận việc phạm tội và hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã xác định. Xét lời nhận tội của các bị cáo trên phù hợp với nhau, phù hợp với các biên bản phạm tội quả tang, biên bản đầu thú, phù hợp với vật chứng thu được, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của 06 bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều là người dân tộc ít người, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, học vấn quá thấp, các bị cáo Điểu N1, Điểu S, Điểu Xem không biết chữ nên nhận thức pháp luật của tất cả các bị cáo còn hạn chế; tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X đều ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đều đã được Toà án cấp sơ thẩm nhận định, vận dụng và làm căn cứ để quyết định hình phạt đối với 06 bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm tất cả 06 bị cáo đều không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác và xét thấy mức án 05 năm tù đối với mỗi bị cáo mà Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định là tương xứng, phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên tất cả các yêu cầu kháng cáo

của 06 bị cáo đều không được chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với 06 bị cáo.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị không chấp nhận tất các yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Điểu S đề nghị chấp nhận các yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt và cho bị cáo Điểu S được hưởng án treo là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do tất cả các yêu cầu kháng cáo của 06 bị cáo không được chấp nhận nên 06 bị cáo đều phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Không chấp nhận toàn bộ các kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2,

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về hình phạt đối với các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2.

2. Tuyên bố các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2 cùng phạm tội vận chuyển hàng cấm.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Điểu R 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo **Điểu N 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo **Điểu N1 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo **Điểu S 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo **Điểu X 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 07/3/2023;

Xử phạt bị cáo **Điểu N2 05 (năm) năm tù**; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2022 đến ngày 07/3/2023.

4. Các bị cáo Điểu R, Điểu N, Điểu N1, Điểu S, Điểu X, Điểu N2, mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Toà án ND huyện L;
- Viện Kiểm sát ND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công an ND huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo:
- Cổng thông tin điện tử Toà án ND tối cao;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân

;